

Số: /KH-UBND

Gia Hanh, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số và thống kê giáo dục, năm học 2025-2026

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị¹; Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ²; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 10/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh³; Kế hoạch hành động số 11-KH/BCĐ ngày 29/6/2025 của Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số⁴; Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 01/10/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh⁵; Văn bản số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Văn bản số 3508/KH-SGDĐT ngày 24/10/2025 về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026; UBND xã xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động trong ngành giáo dục cấp xã, quyết tâm thực hiện thành công và đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026.

Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra. Xác định rõ các nhiệm vụ chủ yếu, các giải pháp cụ thể và thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức nhằm đạt được kết quả cao nhất.

Nâng cao chất lượng quản lý, giảng dạy, kiểm tra đánh giá và phục vụ người học. Tăng cường ứng dụng công nghệ, AI, dữ liệu số trong hoạt động giáo

¹ Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

² Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

³ Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 10/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

⁴ Kế hoạch hành động số 11-KH/BCĐ ngày 29/6/2025 của Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương

⁵ Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 01/10/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về phát triển hạ tầng số giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

dục. Góp phần xây dựng nền giáo dục hiện đại, minh bạch, hiệu quả và thân thiện với người học.

Xác định rõ trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể của phòng chuyên môn và các trường MN, TH, THCS tổ chức triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026.

2. Yêu cầu

Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ được giao phù hợp với yêu cầu đặt ra theo quy định; đảm bảo đúng tiến độ, đúng quy định hiện hành, khách quan, công khai và hiệu quả.

Phân công rõ trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân trong triển khai nhiệm vụ. Dữ liệu thống kê phải đầy đủ, chính xác, kịp thời và đồng bộ với hệ thống của Bộ GDĐT. Tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và đạo đức sử dụng AI.

Phòng chuyên môn và các trường MN, TH, THCS thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; tham gia, phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai để thực hiện kế hoạch đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tham mưu, triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 10/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; Kế hoạch hành động số 11-KH/BCĐ ngày 29/6/2025 của Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Công văn số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23/9/2025 của Bộ GDĐT phù hợp với điều kiện thực tế của ngành GDĐT, địa phương, đơn vị.

2. Đẩy nhanh tiến độ triển khai và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” và phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện đề án “tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

3. Đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị, đường truyền để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS ngành GDĐT.

4. Tiếp tục thực hiện cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành Bộ GDĐT và CSDL quốc gia về dân cư, CSDL chuyên ngành; thực hiện CSDL học bạ số, văn bằng số; đẩy mạnh chia sẻ dữ liệu phục vụ hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Xây dựng tài nguyên thông tin số đáp ứng yêu cầu

liên thông thư viện theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

5. Triển khai nền tảng LMS tích hợp tài nguyên số, hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; ứng dụng hệ thống xác thực SSO ngành giáo dục tỉnh; triển khai bảng đồ tuyển sinh trên nền tảng GIS, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI).

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt.

7. Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm trong hoạt động dạy, học, quản lý giáo dục; thường xuyên nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số.

8. Sử dụng hệ thống website ngành Giáo dục đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; hoàn thiện hệ thống báo cáo số có chức năng tổng hợp, phân tích, đánh giá các chỉ số phát triển giáo dục (IOC) để phục vụ Lãnh đạo các cấp ra những quyết định, chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

a) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; duy trì và sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm MS Team, Google Classroom,... trong kết nối và tổ chức các hoạt động giáo dục giữa nhà trường, giáo viên với học sinh trong việc hướng dẫn học sinh tự học, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình.

b) Nghiên cứu, áp dụng triển khai các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng kết hợp, tăng tương tác, trải nghiệm phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế (lớp học thông minh, học tương tác, tự học với trợ lý ảo). Tổ chức xây dựng học liệu số bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; khuyến khích đội ngũ nhà giáo đóng góp ngân hàng câu hỏi, học liệu số; khai thác sử dụng hiệu quả học liệu dùng chung của Sở và của Bộ GDĐT trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

c) Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm, có lộ trình phù hợp từng cấp học, từng địa phương, từng nhóm đối tượng với quan điểm lấy người học làm trung tâm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng tiên phong; đội ngũ nhà giáo phải thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

d) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ đối với những đơn vị có nhu cầu.

đ) Tập huấn, bồi dưỡng (theo hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp) nâng cao năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học; ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước, quản trị nhà trường, dạy học, xây dựng học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng AI tổ chức hoạt động giáo dục.

e) Triển khai hệ thống thư viện điện tử (phần mềm và CSDL số hóa sách) đáp ứng yêu cầu liên thông thư viện theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT, kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

g) Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

2. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về giáo dục, quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng CSDL về giáo dục

a) Thực hiện hệ thống phần mềm ngành GDĐT tỉnh Hà Tĩnh đến 100% cơ sở giáo dục đồng bộ với CSDL Bộ GDĐT; đảm bảo 100% người học, nhà giáo được định danh thống nhất và quản lý bằng hồ sơ số, 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác quản lý bằng hồ sơ số; từng bước ứng dụng AI phân tích dữ liệu, hỗ trợ công tác quản trị nhà trường.

b) Triển khai học bạ số, văn bằng số theo kế hoạch và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

c) Hoàn thiện, tăng cường kiểm soát chất lượng CSDL ngành giáo dục theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện CSDL ngành giáo dục, kết nối với các CSDL quốc gia đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từng bước tích hợp AI trong hệ thống thông tin quản lý điều hành, phân tích dữ liệu.

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm ngành giáo dục tỉnh và đồng bộ vào CSDL Bộ GDĐT đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông cấp xã (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục; tăng cường ứng dụng công cụ phân tích dữ liệu thông minh để hỗ trợ quản lý, đánh giá và dự báo xu hướng giáo dục, tự động hóa quy trình báo cáo thống kê, giảm thiểu thao tác thủ công và tăng cường tính kịp thời của dữ liệu.

3. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ:

a) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học; dịch vụ công nhận văn bằng ở mức độ toàn trình và các dịch vụ khác theo phân cấp.

b) Tập trung triển khai 03 nhóm dịch vụ công trực tuyến, toàn trình liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ⁶.

c) Thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

a) Đối với Phòng Văn hóa - Xã hội: Phân công lãnh đạo và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

b) Đối với các trường MN, TH, THCS: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

2. Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số các trường MN, TH, THCS theo các văn bản của Bộ GDĐT⁷ phù hợp với thực tế tại địa phương.

3. Tăng cường công tác thể chế: Các đơn vị chủ trì quản lý hệ thống thông tin và CSDL ngành giáo dục lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định; đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân⁸, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục; ban hành các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm, bảo đảm quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục (một số văn bản tại Phụ lục kèm theo công văn này).

4. Đảm bảo nguồn lực và hạ tầng kỹ thuật

a) Rà soát và tham mưu các cấp chính quyền bố trí đủ nguồn lực bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối internet trong các cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống CSDL ngành giáo dục.

5. Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực CDS trong giáo dục

⁶ Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024

⁷ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục Mầm non.

⁸ Luật số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025 về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản liên quan

a) Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo, nhân viên, người học về vai trò, vị trí của ứng dụng CNTT, CDS trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm ứng dụng, phần mềm phòng chống virus có bản quyền.

b) Triển khai hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục⁹; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê trong giáo dục trong các trường MN, TH, THCS.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ CNTT, CDS và thống kê giáo dục hàng năm và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá - Xã hội phân công nhân sự phụ trách thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026; triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026, chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS có hiệu quả. Theo định kỳ (học kỳ 1: trước 15/01/2026, năm học: trước 10/06/2026) cung cấp số liệu thống kê ngành giáo dục địa phương về Văn phòng Sở GDĐT để tổng hợp báo cáo các cấp.

3. Các trường MN, TH, THCS căn cứ vào Kế hoạch và tình hình thực tiễn của đơn vị xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026, báo cáo về Phòng Văn hoá - Xã hội trước ngày **05/11/2025**.

Các trường MN, TH, THCS tổ chức sơ kết (sau khi kết thúc học kỳ I), tổng kết (sau khi kết thúc năm học) đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 và gửi về Phòng Văn hoá - Xã hội theo các mốc thời gian sau:

- Báo cáo sơ kết: Trước ngày 15/01/2025.
- Báo cáo tổng kết: Trước ngày 30/5/2025.

Kèm theo Công văn này là Phụ lục danh sách một số văn bản để các đơn vị nghiên cứu và quán triệt thực hiện.

⁹ Kế hoạch số 953/KH-BGDĐT ngày 10/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026, UBND xã đề nghị các trường MN, TH, THCS tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc liên hệ về UBND xã (qua Phòng Văn hoá - Xã hội) để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, P.Chủ tịch UBND;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Trưởng phòng Văn hoá -Xã hội;
- Chuyên viên phụ trách GD, CNTT-CDS;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Vy

Phụ lục

MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CNTT, CDS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

*(Kèm theo kế hoạch số: /KH-SGDĐT ngày /10/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

1. Luật số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Luật Dữ liệu.
2. Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.
3. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
5. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
6. Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
7. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.
8. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
9. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
10. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
11. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030".
12. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục.

13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.
14. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.
16. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.
17. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.
18. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.
19. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.
20. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.
21. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Khung năng lực số cho người học.
22. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; (Điều 10 điều chỉnh thẩm quyền cho Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT).
23. Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục (điều chỉnh thẩm quyền cho UBND xã tại các Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT; 42/2021/TT-BGDĐT; 21/2017/TT-BGDĐT; 35/2017/TT-BGDĐT; 25/2024/TT-BGDĐT).
24. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội

thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

25. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

26. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

27. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

28. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

29. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

30. Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”.

31. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; Người lao động trong các doanh nghiệp; Người dân.

32. Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2025 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

33. Văn bản số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

34. Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.

35. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của CSDL giáo dục và đào tạo.

36. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

37. Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện đề án “tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

38. Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 10/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

39. Kế hoạch hành động số 11-KH/BCĐ ngày 29/6/2025 của Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương

40. Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện đề án “tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.
